

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 199/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 11 - 8 - 2023

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sâm

Ông Lê Đăng Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Tân. Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2023/TLST/HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 về việc: “ Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị N**; Sinh năm 1997. Vắng mặt.

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh **Lê Văn H**; Sinh năm 1994. Có mặt

Cùng địa chỉ: **Thôn P xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai Nguyên đơn là chị **Trần Thị N** trình bày:

Về hôn nhân: Chị **N** và anh **H** tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán, đăng ký kết hôn vào ngày 23/6/2015 tại **UBND xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa**. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại Thành phố Hồ Chí Minh được 02 năm thì về quê sinh sống, tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm. Nay chị **N** nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Văn Anh K, sinh ngày 16/4/2016 và cháu Lê Trần Hạ B, sinh ngày 04/3/2021.

Nguyện vọng của chị N: Yêu cầu được nuôi con chung là cháu Lê Trần Hạ B, sinh ngày 04/3/2021 còn cháu Lê Văn Anh K, sinh ngày 16/4/2016 để anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hai bên có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: Tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trần Thị N có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại Phiên tòa và tại Bản tự khai của bị đơn là anh Lê Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh H và chị N tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán, đăng ký kết hôn vào ngày 23/6/2015 tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm. Vợ chồng cắt đứt quan hệ sinh lý từ tháng 4/2023, chị N đem theo con chung là cháu Lê Trần Hạ B về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ ở xã Đ, huyện T, tỉnh Nghệ An. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì tôi không muốn ly hôn nhưng hiện tại chị N đã đem con về ngoại ở nên tôi đồng ý ly hôn theo nguyện vọng của chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Văn Anh K, sinh ngày 16/4/2016 và cháu Lê Trần Hạ B, sinh ngày 04/3/2021.

Nguyện vọng của anh H: Hiện tại cháu K đang ở với tôi còn cháu B đang ở với chị N. Tôi có nguyện vọng mỗi người nuôi một chung, tôi yêu cầu được nuôi con chung là cháu Lê Văn Anh K, sinh ngày 16/4/2016, còn cháu Lê Trần Hạ B, sinh ngày 04/3/2021 để cô N trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, hai bên có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: Tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai của con chung là cháu Lê Văn Anh K trình bày: Cháu là Lê Văn Anh K, hiện nay cháu đang học lớp 1 trường Tiểu học N2. Hiện nay cháu đang ở với bố mẹ tại xã N. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu muốn được

ở với bố.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi HĐXX nghị án đều đúng quy định pháp luật. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 điều 51; Khoản 1 điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 71; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; Điểm a khoản 1 điều 39; Khoản 4 điều 147, Điều 271; Điều 273; Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị **Trần Thị N** và anh **Lê Văn H**; Về con chung: Giao con chung là cháu **Lê Trần Hạ B**, sinh ngày 04/3/2021 cho chị **Trần thị N1** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao con chung là cháu **Lê Văn Anh K**, sinh ngày 16/4/2016 cho anh **Lê Văn H** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Về án phí dân sự: Nguyên đơn chị **Trần thị N1** phải chịu 300.000đ án phí DSST.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là chị **Trần Thị N** khởi kiện yêu cầu ly hôn; Bị đơn là anh **Lê Văn H** có địa chỉ: **Thôn P xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa** nên vụ án thuộc Thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt Nguyên đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị **Trần Thị N** và anh **Lê Văn H** là hôn nhân hợp pháp tại vì anh chị đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã cắt đứt quan hệ sinh lý và sống ly thân nhau từ tháng 4/2023 đến nay, chị **N** nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Anh **H** nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện tại Hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên

HĐXX căn cứ vào khoản 1 điều 56, điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý hôn giữa anh chị là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu **Lê Văn Anh K**, sinh ngày 16/4/2016 và cháu **Lê Trần Hạ B**, sinh ngày 04/3/2021

Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của cả hai anh chị thì HĐXX thấy rằng: Con chung là cháu **A K** có nguyện vọng muốn ở với bố. Hiện tại chị **N** đã đem con chung là cháu **Lê Trần Hạ B** về sinh sống cùng bố mẹ đẻ. HĐXX xét thấy yêu cầu nuôi con của cả hai anh chị là phù hợp với nguyện vọng của con chung. Mặt khác cả hai anh chị đều có khả năng nuôi con nên HĐXX căn cứ điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục một con chung là phù hợp. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hai bên có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không yêu cầu về phần tài sản nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị **N** phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; Điểm a khoản 1 điều 39; Khoản 1 điều 228; Khoản 4 điều 147; Điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 51; Khoản 1 điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 điều 24; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH

Xét xử vắng mặt Nguyên đơn là chị **Trần Thị N**.

Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị **Trần Thị N** và anh **Lê Văn H**

Về con chung: Giao cho chị **Trần Thị N** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu **Lê Trần Hạ B**, sinh ngày 04/3/2021.

Giao cho anh **Lê Văn H** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu **Lê Văn Anh K**, sinh ngày 16/4/2016.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Buộc chị **Trần Thị N** phải chịu 300.000đ án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: AA/2021/0014441 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân.

Về quyền kháng cáo: Bị đơn được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND huyện Thọ Xuân
- VKSND tỉnh Thanh Hóa
- Phòng GĐKTNV TAND tỉnh Thanh Hóa
- Các ĐS
- UBND xã Nam Giang, huyện Thọ xuân, tỉnh Thanh Hóa
- Thi hành án DS huyện Thọ Xuân
- Lưu HS vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hằng